

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HS-ST

Ngày 28 – 12 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Anh

Ông Dương Văn Sol

Ông Hoàng Anh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Quách Thị Hồng N**, sinh ngày 01/01/1977 tại huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;

Nơi cư trú: huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Mua bán, trình độ học vấn: mù chữ; con ông Quách Hồng R (đã chết) và bà Lê Thị B (đã chết); chồng: Nguyễn Văn Ni, sinh năm 1972 và có 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 19/3/2021 đến nay; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Nu là luật sư của Văn phòng luật sư Ánh Sáng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau; Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Lê Thị A, sinh năm 1951; Vắng mặt.

2. Bà Phan Thị H, sinh năm 1956; Vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Trúc Kh, sinh năm 1991; Vắng mặt.
 4. Ông Trần Văn L, sinh năm 1955; Vắng mặt.
 5. Bà Lê Thị Ú, sinh năm 1972; Có mặt.
- Cùng nơi cư trú: Ấp Rau Dừa B, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
6. Ông Lê Chí Ng, sinh năm 1982; Có mặt.
 7. Ông Châu Quốc Vi, sinh năm 1966; Có mặt.
 8. Bà Lê Thị Hi, sinh năm 1955; Vắng mặt.
 9. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1954; Có mặt.
- Cùng nơi cư trú: Ấp Vĩnh Gốc, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
10. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971; Có mặt.
 11. Bà Châu Thị Lạ, sinh năm 1969; Vắng mặt.
 12. Ông Đặng Chí Lă, sinh năm 1979; Có mặt.
- Cùng nơi cư trú: Ấp Tân Á, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
13. Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1979; Có mặt.
 14. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1964; Có mặt.
 15. Bà Lê Kiều Tra, sinh năm 1986; Có mặt.
 16. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1992; Vắng mặt.
 17. Bà Nguyễn Thị Lo, sinh năm 1971; Có mặt.
 18. Bà Huỳnh Lê Qu, sinh năm 1974; Vắng mặt.
 19. Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1960; Vắng mặt.
- Cùng nơi cư trú: Ấp Vĩnh Gốc, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
20. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1971; Có mặt.
- Nơi cư trú: Ấp Lý Ân, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
21. Bà Hồ Thị Phư, sinh năm 1981; Vắng mặt.
 22. Bà Nguyễn Thị Li, sinh năm 1973; Vắng mặt.
 23. Ông Nguyễn Hữu Tạ, sinh năm 1972; Vắng mặt.
 24. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1966; Vắng mặt.
 25. Bà Nguyễn Kiều Mu, sinh năm 1980; Có mặt.
 26. Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm 1957; Vắng mặt.
 27. Bà Lữ Thanh Ki, sinh năm 1965; Vắng mặt.
 28. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1967; Vắng mặt.
- Cùng nơi cư trú: Ấp Rau Dừa B, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
29. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1980; Vắng mặt.
- Nơi cư trú: Ấp Cái Rắn, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
30. Bà Lê Cẩm T, sinh năm 1982; Vắng mặt.
- Nơi cư trú: Ấp Thị Tường A, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Ni, sinh năm 1972; Vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp Rau Dừa B, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trần Kim Nh, sinh năm 1983; Có mặt.

3. Bà Dương Ngọc H, sinh năm 1981; Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp Vĩnh Gốc, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Lữ Cẩm Th, sinh năm 1988; Vắng mặt.

5. Bà Trần Thị Toa, sinh năm 1971; Vắng mặt.

6. Bà Lê Cẩm Th, sinh năm 1989; Vắng mặt.

7. Bà Quách Kim Th, sinh năm 1978; Vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Ho, sinh năm 1977; Vắng mặt.

9. Bà Lý Thị Hồng Qu, sinh năm 1955; Vắng mặt.

10. Bà Lữ Thu B, sinh năm 1984; Vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thị Ca, sinh năm 1952; Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp Rau Dừa B, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

12. Bà Trần Trúc L, sinh năm 1986; Vắng mặt.

13. Bà Quách Thị Th, sinh năm 1980; Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp Vĩnh Gốc, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, bị cáo Quách Hồng N tổ chức và làm chủ nhiều dây hụi cho người dân tại địa phương tham gia để bị cáo hưởng hoa hồng (tiền cò) tại các lần khai hụi. Đến tháng 5/2019, bị cáo thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của hụi viên; bị cáo mở nhiều dây hụi loại hụi 30.000 đồng/ngày (viết tắt 30.000đ) và hụi 1.000.000đ/tháng. Đối với hụi ngày thì N không tổ chức bỏ thăm mà định thăm 4.000đ hụi viên nào muốn hốt hụi (lĩnh hụi) thì đăng ký để N sắp xếp theo thứ tự; Đối với hụi tháng thì bỏ thăm, ai bỏ thăm cao nhất thì được hốt hụi.

Bị cáo lợi dụng có nhiều hụi viên không tham gia kiểm tra, giám sát bị cáo giả danh hụi viên trong dây hụi hốt hụi; đồng thời bị cáo bán hụi không, cụ thể:

- **Dây 01:** Mở ngày 28/7/2019dl (ngày 26/6/2019âl), hụi 30.000đ/ngày, có 130 chân (20 hụi viên tham gia 115 chân, bị cáo tham gia 15 chân và đã hốt 15 chân). N định thăm 4.000đ, hụi viên đóng 26.000đ. Bị cáo giả danh hụi viên hốt 12 chân hụi với số tiền **35.880.000đ** = 12 kỳ x 26.000đ x 115 chân.

Dây hụi này đã mãn vào ngày 09/11/2019âl nhưng còn 05 hụi viên có 12 chân chưa được hốt hụi, gồm: Hồ Thị Ph (S), Huỳnh Lê Q mỗi hụi viên 01 chân, số tiền thực đóng 3.354.000đ; Nguyễn Hữu T 02 chân, số tiền thực đóng

6.656.000đ; Trần Thị Ú 03 chân, tiền thực đóng 9.906.000đ; Nguyễn Thị Li 05 chân, tiền thực đóng 16.250.000đ.

Ngoài ra, bị cáo còn bán không cho Châu Thị Lạ 09 chân, số tiền 28.434.000đ; Lê Thị Ú 10 chân, số tiền 33.500.000đ; Tổng số tiền chiếm đoạt **61.934.000đ**.

- **Dây 02:** Mở ngày 28/7/2019dl (ngày 26/6/2019âl), hội 30.000đ/ngày, tổng số 161 chân, 22 hội viên tham gia. N định thăm 4.000đ hội viên chỉ đóng 26.000đ, bị cáo giả danh hội viên hót 03 chân, với số tiền **12.558.000đ** = 03 kỳ x 26.000đ x 161 chân.

Dây hội này đã khai 136 kỳ nhưng có 03 kỳ chưa giao tiền cho hội viên hót hội nên tính còn 06 hội viên có 28 chân chưa được hót hội, gồm: Trần Thị Út 01 chân, số tiền thực đóng 2.600.000đ; Lê Thị A, Phan Thị H mỗi người 02 chân, số tiền thực đóng 7.280.000đ; Nguyễn Hữu T 03 chân, số tiền thực đóng 11.700.000đ; Trần Thị Trúc K, Nguyễn Kiều Mu mỗi người 10 chân, số tiền thực đóng 35.880.000đ.

Ngoài ra, bị cáo bán không 63 chân hội cho 07 người: Nguyễn Thị Tr 09 chân, số tiền 36.000.000đ; Châu Thị Lạ 06 chân, số tiền là 24.000.000đ; Lê Thị A 03 chân, số tiền 12.156.000đ; Phan Thị H 05 chân, số tiền 20.000.000đ; Trần Thị Trúc Kh 05 chân, số tiền 20.000.000đ; Trần Thị Ú 15 chân, số tiền 53.832.000đ; Nguyễn Ngọc H 20 chân, số tiền 72.200.000đ; Tổng số tiền chiếm đoạt **238.188.000đ**.

- **Dây 03:** Mở ngày 19/8/2019dl (ngày 19/7/2019âl), hội 30.000đ/ngày, tổng số 140 chân (26 hội viên tham gia 114 chân, bị cáo tham gia 26 chân và đã hót 26 chân). N định thăm 4.000đ, hội viên chỉ đóng 26.000đ; bị cáo giả danh hội viên hót 07 chân, chiếm đoạt **20.748.000đ** = 07 kỳ x 26.000đ x 114 chân.

Dây hội này đã khai 114 kỳ nhưng có 07 kỳ chưa giao tiền cho hội viên hót hội nên tính còn 10 hội viên có 33 chân chưa được hót hội, gồm: Trần Văn L, Lữ Thanh Ki mỗi người 01 chân, số tiền thực đóng 2.990.000đ; Huỳnh Lê Qu 01 chân, số tiền thực đóng 2.964.000đ; Lê Chí Ng 02 chân, số tiền thực đóng 4.680.000đ; Nguyễn Văn R 02 chân, số tiền thực đóng 7.176.000đ; Trần Thị Ú 02 chân, số tiền thực đóng 5.936.000đ; Nguyễn Ngọc H 04 chân, số tiền thực đóng 11.856.000đ; Trần Thị Trúc Kh 05 chân, số tiền thực đóng 14.950.000đ; Châu Thị Lạ 05 chân, số tiền thực đóng 14.300.000đ; Nguyễn Thị Tr 10 chân, số tiền thực đóng 28.860.000đ.

Ngoài ra, bị cáo bán hội không cho Lê Chí Ngu 07 chân, số tiền 23.996.000đ; Châu Quốc Vi 05 chân, số tiền 17.520.000đ; Lê Kiều Tr 15 chân, số tiền 48.700.000đ; Nguyễn Thị Tri 05 chân, số tiền 20.000.000đ; Châu Thị Lạ 37 chân, số tiền 117.564.000đ; Đặng Chí L 18 chân, số tiền 57.000.000đ; Nguyễn Văn Đ 37 chân, số tiền 116.500.000đ; Nguyễn Văn R 07 chân, số tiền 24.220.000đ; Trần Văn Th 10 chân, số tiền 33.000.000đ; Trần Thị Trúc Kh 13 chân, số tiền 44.216.000đ; Trần Thị Ú 14 chân, số tiền 47.611.000đ; Lê Thị Hi 03 chân, số tiền 10.596.000đ; Nguyễn Hồng L 05 chân, số tiền 16.500.000đ; Nguyễn

Ngọc H 18 chân, số tiền 56.556.000đ; Nguyễn Thị Lo 13 chân, số tiền 42.536.000đ; Tổng số tiền chiếm đoạt **676.515.000đ**.

- **Dây 04:** Mở ngày 30/11/2019dl (ngày 05/11/2019âl), hội 30.000đ/ngày, tổng số 110 chân; Trong đó, 08 hội viên tham gia 99 chân, bị cáo tham gia 11 chân. N định thăm 4.000đ, hội viên chỉ đóng 26.000đ; dây hội khui được 11 kỳ và bị cáo đã hốt 11 kỳ rồi tuyên bố đình hội.

Ngoài ra, bị cáo bán không cho Nguyễn Thị Y 16 chân, số tiền 38.624.000đ; Đặng Chí L 10 chân, số tiền 36.300.000đ; Tổng số tiền chiếm đoạt **74.924.000đ**.

- **Dây 05:** Mở ngày 01/7/2019dl (ngày 29/5/2019âl), hội 30.000đ/ngày, tổng số 165 chân, đã mãn (dây hội này không thu được danh sách hội viên).

Dây hội này, bị cáo bán không cho Nguyễn Thị D 05 chân, số tiền 25.000.000đ; Lê Kiều Tr 05 chân, số tiền 20.000.000đ; Tổng số tiền chiếm đoạt **45.000.000đ**.

- **Dây 06:** Mở ngày 15/11/2018dl (ngày 16/10/2018âl), hội 1.000.000đ/tháng, tổng số 33 chân, 23 hội viên tham gia; Khui được 13 kỳ và hội viên tham gia đã hốt 13 chân hội, dây hội này bị cáo không có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền.

- **Dây 07:** Mở ngày 16/5/2019dl (ngày 12/4/2019âl), hội 1.000.000đ/tháng, tổng số 25 chân, 19 hội viên tham gia; Khui được 07 kỳ và hội viên tham gia đã hốt 07 chân hội, dây hội này bị cáo không có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền.

- **Dây 08:** Mở ngày 16/5/2019dl (ngày 12/4/2019âl), hội 1.000.000đ/tháng, tổng số 25 chân, 19 hội viên tham gia; Khui được 07 kỳ và hội viên tham gia đã hốt 07 chân hội, dây hội này bị cáo không có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền.

- **Dây 09:** Mở ngày 15/11/2019dl (ngày 19/10/2019âl), hội 30.000đ/ngày, tổng số 165 chân, 17 hội viên tham gia; Khui được 26 kỳ và hội viên tham gia đã hốt 26 chân hội, dây hội này bị cáo không có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền.

Tổng số tiền chiếm đoạt trong 05 dây hội ngày là **1.165.747.000đ**; Trong đó, giả danh hội viên hốt hội chiếm đoạt là 69.186.000đ, bán chân hội không chiếm đoạt 1.096.561.000đ.

Cáo trạng số 44/CT – VKS – P1 ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố Quách Thị Hồng N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Quách Thị Hồng N từ 12 năm đến 14 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Trách nhiệm dân sự đề nghị buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo số tiền thực đóng đã được thỏa thuận tại phiên tòa.

Người bào chữa: Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như thật thà khai báo, nhiều bị hại không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo, bị cáo có trình độ học vấn thấp

nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế và áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Bị hại xin Hội đồng xét xử xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Người bào chữa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Bị cáo Quách Thị Hồng N làm chủ hội từ năm 2016, thời gian đầu bị cáo thực hiện tốt trách nhiệm của chủ hội nên được sự tin tưởng của các hội viên. Đến năm 2019, bị cáo giả danh hội viên trong dây hội để hốt các chân hội của hội viên; Bán không các chân hội trong dây hội của hội viên để chiếm đoạt tiền. Thời điểm này bị cáo có mở nhiều dây hội ngày, loại hội 30.000đ và hội tháng, loại hội 1.000.000đ. Hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo cụ thể:

- **Dây 01:** Mở ngày 28/7/2019dl (ngày 26/6/2019âl), hội 30.000đ/ngày, tổng số 130 chân, bị cáo giả danh hội viên hốt 12 chân hội được **35.880.000đ**; Ngoài ra bị cáo còn bán không 19 chân hội cho 02 hội viên mua với số tiền **61.934.000đ**.

- **Dây 02:** Mở ngày 28/7/2019dl (ngày 26/6/2019âl), hội 30.000đ/ngày, tổng số 161 chân, bị cáo giả danh hội viên hốt 03 chân hội được **12.558.000đ**; Ngoài ra bị cáo còn bán không 63 chân hội cho 07 người mua với số tiền **238.188.000đ**.

- **Dây 03:** Mở ngày 19/8/2019dl (ngày 19/7/2019âl), hội 30.000đ/ngày, tổng số 140 chân, bị cáo giả danh hội viên hốt 07 chân hội được **20.748.000đ**; Ngoài ra bị cáo còn bán không 207 chân hội cho 15 người mua với số tiền **676.515.000đ**.

- **Dây 04:** Mở ngày 30/11/2019dl (ngày 05/11/2019âl), hội 30.000đ/ngày, tổng số 110 chân. Dây hội này, bị cáo bán không 26 chân hội cho 02 người mua với số tiền **74.924.000đ**.

- **Dây 05:** Mở ngày 01/7/2019dl (ngày 29/5/2019âl), hội 30.000đ/ngày, tổng số 165 chân, dây hội đã mãn. Dây hội này, bị cáo bán không 10 chân hội cho 02 người mua với số tiền **45.000.000đ**.

Như vậy, bị cáo đã có hành vi gian dối giả danh hội viên hốt 22 chân hội với số tiền 69.186.000đ và bán không 325 chân hội với số tiền 1.096.561.000đ; Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là **1.165.747.000đ**.

Hành vi này của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, bởi: Bị cáo đưa ra thông tin là có hội viên trong dây hội hốt hội nhưng thực chất bị cáo là người hốt

chân hội của hội viên mà bị cáo giả danh. Ngoài ra, bị cáo còn đưa ra thông tin giả là trong dây hội có hội viên bán chân hội, các hội viên tưởng thật nên mua các chân hội mà bị cáo thông tin bán. Từ những hành vi gian dối trên bị cáo đã chiếm đoạt được tiền của các hội viên. Sau khi chiếm đoạt tiền thì bị cáo tuyên bố vỡ hội gây thiệt hại cho các hội viên tham gia hội đã đóng hội nhưng chưa được hốt hội và những người mua hội. Hành vi phạm tội này của bị cáo là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Số tiền bị cáo chiếm đoạt có tổng số là **1.165.747.000đ**. Do đó, Cáo trạng số 44/CT – VKS – P1 ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Quách Thị Hồng N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật mà còn xâm hại đến đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong giao dịch dân sự bằng hình thức chơi hội, góp phần tương trợ lẫn nhau phát triển kinh tế. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; Bản thân bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền để chi tiêu vào mục đích cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đã làm cho nhiều người tham gia hội bị thiệt hại nghiêm trọng về tài sản. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội có thời hạn dài nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Đồng thời, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngoài ra còn có nguyên nhân có nhiều hội viên hốt hội nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hội bị cáo phải xuất tiền ra choàng hội dẫn đến mất khả năng về tài chính. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Đối với ông Nguyễn Văn Ni là chồng của bị cáo N, chứng cứ có tại hồ sơ không đủ cơ sở để xác định ông Ni có đồng phạm cùng với bị cáo thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tiền hội của các hội viên. Do đó, cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này về trách nhiệm hình sự đối với ông Ni là có cơ sở chấp nhận.

Đối với Nguyễn Hồng R và Nguyễn Hồng S (con của bị cáo N) có hành vi ghi danh sách hội giúp bị cáo. Song, R và S không biết bị cáo thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của các hội viên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Cà Mau không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với R và S là phù hợp.

[5] Đối với dây hội thứ 6 mở ngày 15/11/2018dl (ngày 16/10/2018âl), dây hội thứ 7 mở ngày 16/5/2019dl (ngày 12/4/2019âl), dây thứ 8 mở ngày 16/5/2019dl (ngày 12/4/2019âl), dây hội thứ 9 mở ngày 15/11/2019dl (ngày 19/10/2019âl) bị cáo không có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền trong dây hội. Do

đó, những quan hệ giao dịch trong dây hui là quan hệ về dân sự, nếu xảy ra tranh chấp được giải quyết theo trình tự tố tụng của một vụ án dân sự. Song, các bị hại có tham gia ở các dây hui này có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thực đóng của các chân hui; bị cáo đồng ý trả lại số tiền thực đóng theo yêu cầu của các bị hại, người có quyền lợi liên quan trong cùng vụ án này. Đây là sự tự nguyện thực hiện nghĩa vụ của bị cáo không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác nên chấp nhận.

Đối với các hui viên còn lại tham gia dây hui thứ 6, dây hui thứ 7, dây thứ 8, dây hui thứ 9 có những hui viên yêu cầu, có những hui viên chưa có yêu cầu bị cáo phải trả tiền do đình hui. Song, nhưng hui viên yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa nên chưa làm rõ được về số tiền yêu cầu. Do đó, giữa bị cáo và các hui viên này tự thỏa thuận, tính toán với nhau nếu xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện theo trình tự tố tụng dân sự ở một vụ án khác.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 1.165.747.000đ đây là số tiền bị cáo chiếm đoạt. Còn số tiền bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là số tiền thực tế các bị hại đã giao cho bị cáo tiền hui sống, tiền mua chân hui chứ không phải số tiền tính theo lĩnh hui (hui chết). Tại phiên tòa các bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà các bị hại đã thực đóng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã cho đối chiếu giữa các bị hại và bị cáo, có bị hại yêu cầu bị cáo phải trả số nợ còn lại, có bị hại không yêu cầu mà để bị cáo và các bị hại tự thỏa thuận tính toán với nhau về tiền hui.

[6.1] Đối với các bị hại không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này về việc buộc bị cáo trả tiền, đây là quyền tự định đoạt về dân sự không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng khác trong vụ án nên được chấp nhận. Do đó, trong vụ án này phân trách nhiệm dân sự không buộc bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền cho các bị hại này mà để bị cáo và bị hại tự thỏa thuận thanh toán với nhau. Nếu sau này có tranh chấp trong việc trả nợ thì có quyền khởi kiện bằng một án dân sự khác.

[6.2] Đối với các bị hại có yêu cầu, quá trình điều tra, các bị hại và bị cáo đã trực tiếp đối chiếu, thống nhất; tại phiên tòa bị cáo và các bị hại, người có liên quan thống nhất số tiền bị cáo phải trả của các dây hui, cụ thể:

01. Bà Lê Thị A có 02 chân dây 2, tiền thực đóng 6.000.000đ và mua 03 chân hui không số tiền 12.156.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 18.156.000đ.

02. Bà Phan Thị H có 02 chân dây 2, tiền thực đóng 7.280.000đ; mua 05 chân hui không số tiền 20.000.000đ; nợ 03 chân hui ngày (hui đã mất) số tiền 14.490.000đ; Tổng số tiền bị cáo phải trả là 41.770.000đ.

03. Bà Trần Thị Trúc K có 10 chân dây 2, tiền thực đóng 39.000.000đ và mua 05 chân hui không số tiền 20.000.000đ; dây 3 có 05 chân hui, tiền thực đóng 14.950.000đ và mua 13 chân hui không số tiền 44.216.000đ; dây 7 có 01 chân, tiền thực đóng 4.550.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 122.716.000đ.

04. Ông Trần Văn L có 01 chân 3, tiền thực đóng 2.990.000đ; dây 6 có 02 chân, tiền thực đóng 14.920.000đ; dây 7 có 01 chân, tiền thực đóng 4.550.000đ; dây 8 mua 01 chân hui số tiền 16.590.000đ. Song, đối trừ hui viên tên Hưng số tiền 2.650.000đ nên bị cáo còn nợ số tiền 36.400.000đ.

05. Bà Lê Thị Ú mua 10 chân hui không dây 1 số tiền 33.500.000đ và Dây 5 có 05 chân, tiền thực đóng 22.220.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 55.720.000đ.

06. Ông Lê Chí N có 02 chân 3, số tiền thực đóng 4.680.000đ và mua 07 chân hui không số tiền 23.996.000đ; dây 9 mua 05 chân số tiền 19.200.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 47.876.000đ.

07. Ông Châu Quốc V mua 05 chân hui không dây 3 số tiền 17.520.000đ; dây 9 có 02 chân, tiền thực đóng 1.352.000đ và mua 08 chân số tiền 32.416.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 51.288.000đ.

08. Bà Lê Thị H mua 03 chân hui không dây 3 số tiền 10.956.000đ; dây 9 mua 05 chân hui số tiền 20.650.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 31.606.000đ.

09. Bà Nguyễn Thị D mua 05 chân hui không dây 5 số tiền 25.000.000đ; dây 6 có 01 chân, tiền thực đóng 5.540.000đ; dây 7 có 01 chân, tiền thực đóng 4.550.000đ; dây 8 có 01 chân, tiền thực đóng 4.550.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 39.640.000đ.

10. Ông Nguyễn Văn Đ mua 37 chân hui không dây 3, số tiền 116.500.000đ; Bị cáo nợ số tiền 116.500.000đ.

11. Bà Châu Thị Lạ mua 09 chân hui không dây 1 số tiền 28.434.000đ; dây 02 mua 06 chân hui không số tiền 24.000.000đ; dây 03 có 05 chân, tiền thực đóng 14.300.000đ và mua 37 chân hui không số tiền 117.564.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 184.298.000đ.

12. Ông Đặng Chí L mua 18 chân hui không dây 3 số tiền 57.000.000đ; mua 10 chân hui không dây 4 số tiền 36.300.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 93.300.000đ.

13. Bà Trần Thị Ú có 03 chân dây 1, tiền thực đóng 9.906.000đ; 01 chân dây 2, tiền thực đóng 2.600.000đ và mua hui không 15 chân số tiền 53.832.000đ; 02 chân dây 3, tiền thực đóng 5.936.000đ và mua hui không 14 chân số tiền 47.611.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 119.885.000đ.

14. Bà Nguyễn Thị Tr mua 09 chân hui không dây 2 số tiền 36.000.000đ; mua 05 chân hui không dây 3 số tiền 20.000.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 56.000.000đ.

15. Bà Lê Kiều Tr mua 15 chân hui không dây 3 số tiền 48.700.000đ, mua 05 chân hui không dây 5 số tiền 20.000.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 68.700.000đ.

16. Ông Nguyễn Văn R có 02 chân hui dây 3 tiền thực đóng 7.176.000đ và mua 07 chân hui không số tiền 24.220.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 31.396.000đ.

17. Bà Nguyễn Thị L mua 13 chân hui không dây 3 số tiền 42.536.000đ.

18. Bà Nguyễn Thị Y mua 16 chân hui không dây 4 số tiền 38.624.000đ; Mua 10 chân hui dây 9 số tiền 40.400.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 79.024.000đ.

19. Bà Lê Cẩm T dây 2 có 05 chân bà Tú đã hót hui nhưng bị cáo còn nợ 10.500.000đ; dây 6 có 01 chân, tiền thực đóng 5.540.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 16.040.000đ.

20. Chị Nguyễn Kiều M đây 2 có 10 chân, tiền thực đóng 35.880.000đ.

21. Chị Trần Kim N đây 6 có 02 chân, tiền thực đóng 12.460.000đ; đây 7 có 01 chân, tiền thực đóng 4.550.000đ; đây 8 có 01 chân, tiền thực đóng 4.545.000đ; Tổng số tiền bị cáo nợ 21.555.000đ.

Như vậy tổng số tiền bị cáo phải trả cho các bị hại và người có liên quan là 1.310.286.000đ; Trong đó, số tiền mà bị cáo phải trả cho các bị hại do có hành vi chiếm đoạt là 1.063.553.000đ, còn lại 246.733.000đ là tiền bị cáo nợ hui của bị hại và người có quyền lợi liên quan của các dây hui bị cáo không có hành vi chiếm đoạt.

[7] Đối với các hui viên còn nợ tiền bị cáo hoặc bị cáo nợ tiền các hui viên không liên quan đến các dây hui mà bị cáo có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền thì không giải quyết trong vụ án này. Nếu có tranh chấp thì giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự ở một vụ án khác.

[8] Án phí: Bị cáo Quách Thị Hồng N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; Án phí dân sự có giá ngạch bị cáo phải chịu là 51.308.580đ = 36.000.000đ + 3%(1.310.286.000đ – 800.000.000đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Quách Thị Hồng N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Tuyên phạt: Bị cáo Quách Thị Hồng N **12 (mười hai) năm tù**; Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 19/3/2021.

- Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Quách Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho các bị hại, người có quyền lợi liên quan, cụ thể:

01. Bà Lê Thị A số tiền **18.156.000 đồng**.
02. Bà Phan Thị H số tiền **41.770.000 đồng**.
03. Bà Trần Thị Trúc K số tiền **122.716.000 đồng**.
04. Ông Trần Văn L số tiền **36.400.000 đồng**.
05. Bà Lê Thị Ú số tiền **55.720.000 đồng**.
06. Ông Lê Chí N số tiền **47.876.000 đồng**.
07. Ông Châu Quốc V số tiền **51.288.000 đồng**.
08. Bà Lê Thị H số tiền **31.606.000 đồng**.
09. Bà Nguyễn Thị D số tiền **39.640.000 đồng**.

10. Ông Nguyễn Văn Đ số tiền **116.500.000 đồng.**
11. Bà Châu Thị Lạ số tiền **184.298.000 đồng.**
12. Ông Đặng Chí L số tiền **93.300.000 đồng.**
13. Bà Trần Thị Ú số tiền **119.885.000 đồng.**
14. Bà Nguyễn Thị Tr số tiền **56.000.000 đồng.**
15. Bà Lê Kiều Tr số tiền **68.700.000 đồng.**
16. Ông Nguyễn Văn R số tiền **31.396.000 đồng.**
17. Bà Nguyễn Thị L số tiền **42.536.000 đồng.**
18. Bà Nguyễn Thị Y số tiền **79.024.000 đồng.**
19. Bà Lê Cẩm T số tiền **16.040.000 đồng.**
20. Chị Nguyễn Kiều M số tiền **35.880.000 đồng.**
21. Chị Trần Kim N số tiền **21.555.000 đồng.**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí: Bị cáo Quách Thị Hồng N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 51.308.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Cà Mau;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Cán bộ theo dõi thi hành án HS;
- Lưu hồ sơ; án văn; Tòa hình sự;
- Lưu VT (TM:TANDTCM)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Miến